

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Trần Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐ-ST ngày 26/5/2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Vũ Thị H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2.Bị đơn: Anh Vũ Trí Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của Vũ Trí Đ tại Việt Nam: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 11/3/2021, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Trí Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 04/6/2019 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do anh chị lấy nhau qua sự giới thiệu của người quen và do sự chênh lệch về tuổi tác quá lớn, anh Đ hơn chị 11 tuổi nên không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hiểu nhau cho nên sống không có tình cảm không có hạnh phúc, vợ chồng sống cùng bố mẹ chồng do khác nhau về lối sống giữa các thế hệ nên chị và bố mẹ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến ngày 28/8/2020 thì anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị vẫn tiếp tục sống chung cùng với bố mẹ chồng một thời gian thì mâu thuẫn giữa chị và bố mẹ chồng lại tiếp tục xảy ra nên chị xin phép về nhà bố mẹ để sinh sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, thỉnh thoảng anh Đ có gọi điện về nhưng chỉ để hỏi thăm con, cả hai vợ chồng đều nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trí Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Vũ Đức N, sinh ngày 23/4/2020. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Hiện nay anh Đ vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi địa chỉ của anh Đ nhưng anh Đ không cung địa chỉ ở nước ngoài cho chị, anh Đ vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố đẻ anh Đ là ông Vũ Trí H, sinh năm 1958, trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũng không cung cấp địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh Đ được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Vũ Trí Đ.

Bị đơn anh Vũ Trí Đ không có bản tự khai.

Ngày 02/4/2021 và ngày 19/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Vũ Trí Đ là ông Vũ Trí H; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Hiện thông báo cho anh Đ biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Vũ Thị H và anh Vũ Trí Đ; yêu cầu anh Đ viết bản

tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông H vẫn giữ nguyên quan điểm là anh Đ ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh Đ, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Đ biết để anh Đ gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Đ gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Vũ Trí Đ vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Đ là ông Vũ Trí H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật: của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Trí Đ không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Vũ Trí Đ. Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt anh Vũ Trí Đ là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Trí Đ.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Đức N, sinh ngày 23/4/2020 cho chị Vũ Thị H nuôi dưỡng.

Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Vũ Thị H.

Đối với bị đơn anh Vũ Trí Đ vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Đ là ông Vũ Trí H để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông H thông báo cho anh Đ biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Vũ Thị H với anh Vũ Trí Đ, yêu cầu ông H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài. Ông Vũ Trí H trình bày: Anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông H vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Đ cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Đ biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Trí Đ.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Vũ Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Vũ Trí Đ, anh Đ hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 6224/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 19/3/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh -Bộ công an), thì anh Đ xuất nhập cảnh 05 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 28/8/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh Đ ở Việt Nam là: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Trí Đ kết hôn ngày 04/6/2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Do anh chị lấy nhau qua sự giới thiệu của người quen, và do sự chênh lệch về tuổi tác quá lớn anh Đ hơn chị 11 tuổi nên vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hiểu nhau cho nên sống không có tình cảm không có hạnh phúc, vợ chồng anh chị sống cùng bố mẹ chồng do khác nhau về lối sống giữa các thế hệ nên chị và bố mẹ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến ngày 28/8/2020 thì anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị vẫn tiếp tục sống chung cùng với bố mẹ chồng một thời gian thì mâu thuẫn giữa chị và bố mẹ chồng lại tiếp tục xảy ra nên chị xin phép về nhà bố mẹ để sinh sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, thỉnh thoảng anh Đ có gọi điện về nhưng chỉ để hỏi thăm con, cả hai vợ chồng đều nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trí Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị H với anh Vũ Trí Đ. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh Đ về chung sống với nhau, nhưng do khoảng cách về tuổi tác quá lớn nên trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng chị H và anh Đ đã không tìm được tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc. Đến năm 2020 thì anh Đ đi lao động ở nước ngoài, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, anh Đ có thỉnh thoảng gọi điện về nhưng chỉ để hỏi thăm con, chị H xác định tình cảm không còn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H. Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Trí Đ.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Trí Đ có 01 con chung là cháu Vũ Đức N, sinh ngày 23/4/2020. Hiện nay cháu N đang ở cùng với chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Vũ Thị H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh Đ đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu N từ khi anh Đ đi lao động nước ngoài vẫn do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu N dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị H. Giao cho chị Vũ Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vũ Đức N, sinh ngày 23/4/2020 đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và đảm bảo quyền và lợi ích cho con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Vũ Trí Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ:Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Vũ Trí Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vũ Đức N, sinh ngày 23/4/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Vũ Trí Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000918 ngày 31/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Vũ Thị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Vũ Trí Đ hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử TAND Tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

